

UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG  
TRƯỜNG MẦM NON NGHĨA AN

Khu Nam An

Ngày 03 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo tẻ	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Nuvi Grow School	Bánh đa cá quả
Thịt nạc sốt cà chua			
Thịt lợn nấu củ cải, cà rốt			
Thanh long			

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	179	20,000	3,580,000	
2	CƠM NHÀ TRÉ	48	20,000	960,000	
	<b>TỔNG</b>	<b>227</b>		<b>4,540,000</b>	

III. PHẦN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	ĐƠN GIÁ	Mẫu giáo		Nhà trẻ		Tổng cộng	
			SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền
1	Gạo tẻ	21000	14	294000	2.9	60900	16.9	354900
2	Đậu phụ	35000	7.4	259000	0.7	24500	8.1	283500
3	Mỡ khô	85000	0.8	68000	0.2	17000	1	85000
4	Thịt nạc	140000	5.6	784000	0.4	56000	6	840000
5	Cà chua	25000	2.2	55000	0.3	7500	2.5	62500
6	Thanh long	40000	14.1	564000	3.9	156000	18	720000
7	Củ cải	15000	5.1	76500	0.4	6000	5.5	82500
8	Cà rốt	20000	1.2	24000	0.2	4000	1.4	28000
9	Thịt lợn	150000	1.3	195000	0.2	30000	1.5	225000
10	Bánh đa	38000	3.6	136800	0.9	34200	4.5	171000
11	Cá quả	145000	1.3	188500	1.9	275500	3.2	464000
12	Cải canh	25000	1.1	27500	0.4	10000	1.5	37500
13	Thì là	50000	0.08	4000	0.02	1000	0.1	5000
14	Hành hoa	40000	0.08	3200	0.01	400	0.09	3600

15	Mùi tàu	50000	0.08	4000	0.01	500	0.09	4500
16	Sữa bột Nuvi	260000	2.9	754000	0.9	234000	3.8	988000
17	Dầu ăn	75000	1.1	82500	0.4	30000	1.5	112500
18	Nước mắm	40000	0.5	20000	0.1	4000	0.6	24000
19	Hành khô	35000	0.08	2800	0.02	700	0.1	3500
20	Muối	6500	0.3	1950	0.1	650	0.4	2600
21	Hạt nêm	71000	0.5	35500	0.1	7100	0.6	42600
	Cộng tiền			3580250		959950		4540200

#### IV. PHÂN QUYẾT ÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 4,540,000
- Số tiền đã chi: 4540200
- Số tiền còn thừa:
- Số tiền còn thiếu: -200

UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG  
TRƯỜNG MẦM NON NGHĨA AN

Khu Nam Nghĩa

Ngày 03 tháng 04 năm 2026

**I. THỰC ĐƠN**

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo tám	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Nuvi Grow School	Bánh đa cá quả
Thịt nạc sốt cà chua			
Thịt lợn nấu củ cải, cà rốt		Bánh đa cá quả	
Thanh long			

**II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:**

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	175	20,000	3,500,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ	60	20,000	1,200,000	
	<b>TỔNG</b>	<b>235</b>		<b>4,700,000</b>	

**III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY**

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	ĐƠN GIÁ	MẪU GIÁO		CƠM NHÀ TRẺ		TỔNG SỐ LƯỢNG (kg)	CỘNG TIỀN (đồng)
			SL (kg)	Tiền (đồng)	SL (kg)	Tiền (đồng)		
1	Gạo tám	21000	13.6	285600	3.6	75600	17.2	361200
2	Đậu phụ	35000	7.7	269500	1	35000	8.7	304500
3	Mỡ khô	85000	0.8	68000	0.2	17000	1	85000
4	Thịt nạc	140000	5.5	770000	0.9	126000	6.4	896000
5	Cà chua	25000	2.1	52500	0.4	10000	2.5	62500
6	Thanh long	40000	13.9	556000	5	200000	18.9	756000
7	Củ cải	15000	4.9	73500	0.5	7500	5.4	81000
8	Cà rốt	20000	0.9	18000	0.2	4000	1.1	22000
9	Thịt lợn	150000	1.2	180000	0.3	45000	1.5	225000
10	Bánh đa	38000	3.5	133000	1.2	45600	4.7	178600
11	Cá quả	145000	1.1	159500	2.2	319000	3.3	478500

12	Cải canh	25000	1	25000	0.5	12500	1.5	37500
13	Thì là	50000	0.08	4000	0.01	500	0.09	4500
14	Hành hoa	40000	0.08	3200	0.02	800	0.1	4000
15	Mùi tàu	50000	0.08	4000	0.01	500	0.09	4500
16	Sữa bột Nuvi	260000	2.9	754000	1	260000	3.9	1014000
17	Dầu ăn	75000	1.1	82500	0.4	30000	1.5	112500
18	Nước mắm	40000	0.5	20000	0.1	4000	0.6	24000
19	Hành khô	35000	0.08	2800	0.02	700	0.1	3500
20	Muối	6500	0.3	1950	0.1	650	0.4	2600
21	Hạt nêm	71000	0.5	35500	0.1	7100	0.6	42600
	Cộng tiền			3498550		1201450		4700000

#### IV. PHÂN QUYẾT ÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 4,700,000
- Số tiền đã chi: 4700000
- Số tiền còn thừa:
- Số tiền còn thiếu: 0